

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật, số lượng của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ thuật, số lượng của hàng hóa...	Tất cả hàng hóa cung cấp có số lượng, chủng loại, kỹ thuật, catalog đáp ứng yêu cầu tại Bảng Phạm vi cung cấp và Chương V của HSMT Nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng rõ ràng	Đạt
	Một trong các (hoặc tất cả) hàng hóa cung cấp có số lượng, chủng loại, kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu tại Bảng Phạm vi cung cấp và Chương V của HSMT. Không nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng rõ ràng	Không đạt
2. Tiêu chuẩn chất lượng của sản xuất, cung cấp hàng hóa		
Tiêu chuẩn chất lượng của sản xuất, cung cấp hàng hóa.	Nhà thầu là nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc có hợp đồng mua bán, giấy ủy quyền với đơn vị sản xuất, cung cấp có đầy đủ các yêu cầu sau: + Có nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa, + Sản phẩm phải được công nhận lưu hành tại Việt Nam. (Đính kèm tài liệu chứng minh)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không phù hợp các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	Không đạt
4. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường		
Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường	Có cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý	Đạt
	Không cam kết Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
5. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		
Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết	Có cam kết Hàng hóa không gây ô nhiễm môi trường không khí, nước	Đạt
	Không có cam kết Hàng hóa gây ô nhiễm môi trường không khí, nước nhưng không có biện pháp giải quyết	Không đạt
6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ		
Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ	Có cam kết bố trí hướng dẫn sử dụng, bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng tối đa 01 ngày, kế hoạch bố trí hướng dẫn sử dụng(gửi ảnh, bằng cấp căn cước công dân của kỹ thuật dự kiến)	Đạt
	Không có cam kết và kế hoạch bố trí, kỹ thuật hướng dẫn sử dụng lắp đặt sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng > 01 ngày	Không đạt
7. Yêu cầu về bảo hành		
Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành	Có cam kết bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày thanh lý hợp đồng	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
Thời gian khắc phục các hư hỏng, sai sót	Có cam kết, tài liệu chứng minh thời gian khắc phục các hư hỏng, sai sót, cung cấp hàng hóa thay thế trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của chủ đầu tư, có cam kết kèm tên người phụ trách, số điện thoại, địa chỉ liên hệ 24/24.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
8. Tiến độ cung cấp hàng hóa:		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	Giao hàng 01 lần trong vòng 03 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
9. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó		
Uy tín của nhà thầu thông qua	Nhà thầu cam kết luôn sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ công tác xác thực của Chủ đầu tư	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
tài liệu dự thầu	Cam kết sẵn sàng mang hàng hóa mẫu đến đối chiếu trong quá trình đánh giá, thương thảo	
	Nhà thầu không cam kết luôn sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ công tác xác thực của Chủ đầu tư, không có Cam kết sẵn sàng mang hàng hóa mẫu đến đối chiếu trong quá trình đánh giá, thương thảo	Không đạt
Lịch sử về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong thời gian tính từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu	Nhà thầu không có tên trong danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm bị công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu từ 02 lần trở lên với các lỗi sau đây: - Vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu; - Vi phạm về chất lượng của hàng hóa bao gồm sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và các yếu tố khác có liên quan đến vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng; - Vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không cam kết đầy đủ hoặc có tài liệu chứng minh kết quả thực hiện hợp đồng có một trong các vi phạm nêu trên	Không đạt
Kết luận:		
Cả các tiêu chuẩn trên đều xác định là “đạt”		Đạt
Một trong các tiêu chuẩn trên được xác định là “không đạt”		Không đạt

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: ____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.